

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 29/3/2018
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đăng Thành
2. Bà Lưu Thị Sen.

- Th- ký phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- G diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thuận - KSV.

Hôm nay ngày 29/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2017/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2017 về việc: *Ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX-ST ngày 15/3/2018 giữa các đ- ong sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị A** - sinh năm 1996

Nơi ĐKNKTT: Làng C, xã D, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Làng E, xã F, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn B** - sinh năm 1992

Địa chỉ: Làng C, xã D, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh B, chị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 20/11/2017 và bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn B kết hôn với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Ngọc Lặc vào ngày 03/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Làng C, xã D, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm và tính cách sống không hợp nhau,

vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 08/2016 chị đã về bên ngoại ở Làng E, xã F, huyện Lang Chánh sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải nhưng không mang lại kết quả gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung: cháu Phạm Văn G - sinh ngày 22/7/2013. Tháng 07/2016 cháu bị tai nạn và đã mất, hiện vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/12/2017 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Phạm Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị A về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng hiện tại.

Nay chị A có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ. Nếu chị A cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Về con chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị A về số con chung, tên tuổi của cháu. Hiện nay cháu đã mất và vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng Làng C, xã D cung cấp như sau: Anh B và chị A kết hôn với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Ngọc Lặc.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận khoảng tháng 06/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do con chung của anh B, chị A bị tai nạn mất. Từ đó dẫn đến vợ chồng không còn mặn nồng và tình cảm lạnh nhạt dần. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến khoảng đầu năm 2017 chị A đã bỏ về bên ngoại sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai, cũng từ đó địa phương không thấy chị A quay trở lại. Nay chị A có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Hiện nay cháu đã mất. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ọc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ- ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị

HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị A.

Tại phiên tòa hôm nay chị A vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh B, anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị A và anh Phạm Văn B kết hôn với nhau từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị A, anh B đều nại rằng: Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ khi con chung của anh chị bị tai nạn và mất, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả gì. Từ tháng 8/2016 anh chị sống mỗi người một nơi và sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai.

Trong thời gian anh chị ly thân, anh B mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng anh đã không tích cực trong việc tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp hay hành động gì để thể hiện mong muốn đoàn tụ của mình.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn được, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị A. Xử cho chị Phạm Thị A được ly hôn với anh Phạm Văn B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị không có con chung.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh B, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị A được ly hôn với anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị A phải chịu 300.000đ án phí DSST, nh- ng đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2015/0003941 ngày 30/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, chị A đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị A, anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THA DS huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã D;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

